TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29-01-2019
V/v ly hôn giữa
bà T và ông N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;
Ông Bùi Văn Bình.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Hòe - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 263/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm VL, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*: Ông Vũ Thanh N, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm VL, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Bà T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, ông N có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17/9/2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn bà Đoàn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị T và ông Vũ Thanh N kết hôn với nhau năm 1985 tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Quá trình chung sống, do điều kiện thiên tai bão lũ nên đã làm thất lạc giấy đăng ký kết hôn. Do không còn lưu sổ gốc nên Ủy ban nhân dân xã HL đã tổ chức đăng ký kết hôn lại cho bà T và ông N vào ngày

03-8-2018 . Quá trình chung sống, vợ chồng vui vẻ, hòa thuận đến năm 1990 thì ông N nghi ngờ bà T có nhiều mối quan hệ bất thường nên vợ chồng mâu thuẫn. Năm 2003, một mặt do vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, mặt khác do kinh tế quá khó khăn không có điều kiện nuôi 2 con ăn học, bà T đã gửi 2 con cho bố mẹ đẻ chăm sóc để đi lao động nước ngoài. Trong thời gian bà T đi nước ngoài (từ năm 2004 đến năm 2016), quan hệ vợ chồng vẫn căng thẳng do ông N không nhất trí để bà T đi làm ăn xa. Chấm dứt hợp đồng lao động, bà T trở về, mặc dù đã được đôi bên gia đình kết hợp hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng thường xuyên xô sát, cãi chửi nhau; bà T nhiều lần phải đi ở nhờ nhà bố mẹ đẻ và chỉ về nhà những lúc có công việc lớn hoặc khi các con đi làm ăn xa về thăm nhà. Mặc dù vậy, bà T vẫn chịu đựng để lo công việc và xây dựng gia đình cho các con chung. Đến nay, các con đều đã có công việc và gia đình riêng, xét thấy không thể tiếp tục chung sống với ông N nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vũ Đoàn Việt H, sinh năm 1988 và Vũ Đoàn Thanh T1, sinh năm 1989. Hiện nay, cả hai con chung đều đã trưởng thành, có công việc ổn định, có gia đình ở riêng nên khi ly hôn bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Năm 2016, bà T hết hợp đồng lao động trở về, do căn nhà cũ của vợ chồng đã xuống cấp trầm trọng, các con đều đã đến tuổi xây dựng gia đình nên bà T đã cùng ông N phá nhà cũ, xây nhà 2 tầng trên thổ đất của vợ chồng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chủ hộ ông Vũ Thanh N. Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay tài sản gì. Nay ly hôn, vì nhà đất còn là nơi để các con chung đi về thăm gia đình nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18-12-2018 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, bị đơn ông Vũ Thanh N trình bày: Ông N và bà T kết tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau từ khoảng tháng 2 năm 1986. Do thiên tai nên giấy chứng nhận kết hôn bị thất lạc, ông N, bà T đã tự nguyện đăng ký kết hôn lại vào ngày 03-8-2018. Quá trình chung sống, vợ chồng đã có 02 con chung, cuộc sống không có mâu thuẫn gì quá lớn nhưng bà T thường xuyên bỏ nhà đi không nói với ông N đi đâu, làm gì. Khoảng 2 tháng trở lại đây, bà T bỏ nhà đi mà không về nữa nên vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau. Nay bà T làm đơn xin ly hôn, tại đơn xin ly hôn và bản tự khai bà T trình bày việc ông N lăng mạ, đe dọa bà T là không đúng sự thật, ông N không công nhận. Việc bà T viết đơn như vậy làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của ông N nên ông N không nhất trí ly hôn.

Về con chung, tài sản chung: Ông N xác nhận vợ chồng có 02 con chung và khối tài sản chung như bà T đã trình bày là đúng. Nay ly hôn, vì 2 con đều đã trưởng thành, ở riêng; toàn bộ nhà đất hai bên đã thỏa thuận không phân chia mà giữ lại giao ông N quản lý, trông coi để các con chung đi về nên ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và tài sản chung.

Tại phiên tòa, bà T vắng mặt, trong đơn xin xét xử vắng mặt bà T giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày tại đơn khởi kiện và bản tự khai. Ông N cho rằng, quá trình chung sống, bà T đã nhiều lần xúc phạm danh dự ông N; trong đơn xin ly hôn và bản tự khai đã viết ông N chửi bới, cầm dao đe dọa bà T là không đúng sự thật. Việc bà T xúc phạm và khai không đúng sự thật đã làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của ông N nên ông N không nhất trí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa bà Đoàn Thị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Vũ Thanh N có mặt. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ vợ chồng giữa bà Đoàn Thị T và ông Vũ Thanh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn lại vào ngày 03/8/2018. Quá trình chung sống, mặc dù vợ chồng đã có 2 con chung nhưng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nay bà T vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn, ông N không nhất trí ly hôn.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông N thì thấy: Bà T và ông N đều thừa nhận, từ sau khi bà T đi lao động nước ngoài về, vợ chồng tuy không hẳn là sống ly thân nhưng bà T chỉ về thăm nhà và ở lại cùng ông N những khi có công việc lớn hoặc khi con cháu về thăm ông bà, thời gian còn lại, bà T về ở cùng mẹ đẻ tại xã HĐ. Hai tháng trở lại đây, bà T không về và không liên lạc gì với ông N nữa. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông N là có thật, đã xảy ra từ khi bà T đi lao động nước ngoài cho đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông N ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của bà T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Bà Đoàn Thị T và ông Vũ Thanh N có 02 con chung là Vũ Đoàn Việt H, sinh năm 1988 và Vũ Đoàn Thanh T1, sinh năm 1989. Hiện nay, cả 2 con chung của ông N, bà T đều đã trưởng thành, xây dựng gia đình ở riêng; khi ly hôn, bà T, ông N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và công nợ:* Bà T và ông N đều xác nhận vợ chồng có nhà 2 tầng và quyền sử dụng đất mang tên chủ hộ ông Vũ Thanh N là tài sản chung hiện đang do ông N quản lý, sử dụng. Khi ly hôn, bà T, ông N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] *Về án phí:* Bà Đoàn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đoàn Thị T và ông Vũ Thanh N.

2. Về án phí: Bà Đoàn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2016/0000218 ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Bà Đoàn Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự: 02 bản;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + tỉnh: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 1 bản;
- UBND xã HL: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Thung